TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** **T ỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:04 /2024/HS-ST
Ngày 01/02/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*:* Ông **Vũ Minh Hải**

Các hội thẩm nhân dân*:* Ông: **Bùi Đức Thụy , ông: Vũ Duy Tuần**.

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Mạnh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông **Vũ Đình Phương**- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 2 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình T, sinh năm 1989.Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do: Trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình T1; Và bà Nguyễn Thị M. **Tiền án**: Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2010/HSST ngày 28/12/2010 của Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn, xử phạt 08 năm tù về tội Cướp tài sản. Ngày 06/9/2018 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 11/5/2011 chấp hành xong việc nộp án phí hình sự sơ thẩm. Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2021/HS- ST ngày 17/8/2021 của Toà án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, xử phạt 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý, đã "tái phạm". Ngày 18/8/2022 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 30/11/2021 đã nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh H, theo lệnh bắt tạm giam số 49 ngày 12/9/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H. (Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Tống Vũ Yến N, sinh năm 2008(Vắng mặt)

Trú tại: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương

Người giám hộ cho chị N bà Vũ Thị L, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị N: Bà Nguyễn Thị Ư- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh H.(Có mặt)

Chị: Nguyễn Thị G, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn B V, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: Nguyễn Công H, sinh năm 1972. Trần Thị T2, sinh năm 2008.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: ***Vụ thứ nhất***: Sáng ngày 16/8/2023 tại nhà của mình ở thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên, Nguyễn Đình T nảy sinh ý định cướp giật tài sản của người đi đường. Khoảng 07 giờ cùng ngày, T tháo biển kiểm soát 89B2- 205.49, rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave RSX màu xanh – đen (xe của anh Nguyễn Công H, sinh năm 1972, ở số C N, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên) từ nhà đến huyện T, tỉnh Hải Dương. Đến khoảng 08 giờ 15 phút cùng ngày, khi T đang đi trên đường gom tỉnh lộ 392B theo hướng thị trấn T đi xã L phát hiện thấy cháu Trần Mai T3, sinh năm 2008, ở thôn T, xã L, huyện T điều khiển xe đạp điện cùng chiều chở phía sau là cháu Tống Vũ Yến N, sinh ngày 27/8/2008, chỗ ở thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương. Lúc này cháu N đang cầm 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu xám, ốp màu hồng, lắp sim số 0342.824.436. Tăng đi phía sau cháu T3, khi cháu T3 đi cách trường tiểu học L1 khoảng 100m thì T điều khiển xe mô tô áp sát từ bên phải, đến khi xe của T ngang với xe đạp điện của cháu T3 thì T dùng tay trái giật điện thoại của cháu N. Sau đó T điều khiển xe mô tô đi về xã N rồi dừng xe lại, vứt sim, ốp điện thoại đi (không xác định được vị trí).***Vụ thứ hai:*** Sau khi giật được điện thoại của cháu N, T tiếp tục điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave RSX màu xanh – đen (biển kiểm soát 89B2- 205.49 tháo ra từ trước) đi đến khu vực huyện N thấy ai sơ hở tài sản để cướp giật. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 16/8/2023, T điều khiển xe mô tô trên đường đê sông L theo hướng xã T, huyện T đi cầu H huyện N. Khi đi cách điếm canh đê V khoảng 200m thì phát hiện thấy chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1988, ở thôn B, xã V, huyện N đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Grande, màu đen, biển kiểm soát 93G1- 109.68 đi cùng chiều, túi quần trước bên trái để 01 điện thoại Iphone XS màu trắng, ốp giả da màu nâu, lắp sim số 0904.387.970. T điều khiển xe mô tô áp sát bên trái xe mô tô của chị G rồi dùng tay phải giật điện thoại của chị G, rồi điều khiển xe mô tô về hướng cầu H, trên đường đi Tăng vứt sim, ốp điện thoại (không xác định được vị trí).Đến chiều cùng ngày T đến nhà anh Hoàng Văn T4, sinh năm 1987, ở ngõ A, đường P, phường Q, thành phố H (bạn

quen biết từ trước của T) nhờ bán hộ 02 chiếc điện thoại nêu trên. Sau đó T4 bán 02 chiếc điện thoại trên cho anh Bùi Ngọc A, sinh năm 1986, ở số G N, phường H, thành phố H được 1.200.000 đồng. Sau đó T4 đưa toàn bộ số tiền bán 02 chiếc điện thoại cho T, T đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên.

Ngoài hai hành vi phạm tội nêu trên, T còn thực hiện các hành vi phạm tội trên địa bàn tỉnh khác như sau: *Vụ thứ 1*: Khoảng tháng 6/2023, tại huyện K, tỉnh Hưng Yên Tăng cùng với H1 (là người quen trong trại giam T5) chiếm đoạt 01 điện thoại di động của một người phụ nữ ngồi sau xe mô tô. Đối với vụ việc trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H đã thông báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Hưng Yên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã ra quyết định khởi tố vụ án số 74 ngày 27/6/2023, quyết định khởi tố bị can số 149 ngày 14/9/2023 đối với Nguyễn Đình T. *Vụ thứ 2*: Tháng 6/2023 tại thị xã D, tỉnh Hà Nam, T chiếm đoạt 01 điện thoại của một người phụ nữ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H đã có thông báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã D, tỉnh Hà Nam. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H đã ra quyết định khởi tố vụ án số 123, khởi tố bị can số 223 ngày 13/10/2023 đối với Nguyễn Đình T. *Vụ thứ 3*: Khoảng tháng 6/2023, tại huyện P, tỉnh Hưng Yên, T cùng T4, sinh năm 1987, ở thành phố H (là bạn quen với T) chiếm đoạt 01 điện thoại của cháu bé đang ngồi ở rìa đường thuộc địa bàn huyện P, tỉnh Hưng Yên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H đã có thông báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh Hưng Yên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh Hưng Yên đã ra quyết định khởi tố vụ án số 45 ngày 03/8/2023 về tội Cướp tài sản. Vụ thứ 4: Khoảng tháng 7/2023, tại địa phận tỉnh Thái Bình, T cùng với H1 chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám của 01 người phụ nữ đi xe đạp điện. Đối với vụ việc này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã có văn bản thông báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T. Tuy nhiên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T thông báo không tiếp nhận trình báo nào của công dân về việc bị cướp tài sản như T đã khai. Ngày 05/11/2023 bị can T khai nhận: T không thực hiện hành vi cướp giật tài sản nào tại tỉnh Thái Bình như diễn biến nêu trên. Lời khai trước do T nhớ nhầm vì bị can thực hiện nhiều hành vi cướp giật tài sản ở nhiều địa điểm. Quá trình điều tra còn làm rõ được: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX màu xanh đen, biển kiểm soát 89B2- 205.49, T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Công H, sinh năm 1972, ở số C N, phường Q, thành phố H. Vào khoảng giữa tháng 7/2023, tại xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên, T chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên của anh H. Đến cuối tháng 8/2023, T bán cho một người không quen biết (không biết tên, tuổi, địa chỉ) với số tiền 3.500.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã thông báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Tại kết luận định giá tài sản số 33 ngày 05/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: Giá trị của các tài sản tại thời điểm ngày 16/8/2023 gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu xám, lắp sim số thuê bao 0342 824 436 là 800.000 đồng; 01 ốp lưng điện thoại Iphone 6 plus là 25.000 đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS max màu trắng, lắp sim số thuê bao 0904 397 970 là 5.500.000 đồng; 01 ốp lưng màu nâu của điện thoại Iphone XS max là 50.000 đồng; Chi phí cấp lại 02 sim số thuê bao trên là 60.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản yêu cầu định giá bao gồm 02 điện thoại và 02 ốp điện thoại trên tại thời điểm ngày 16/8/2023 là 6.375.000 đồng. Chi phí cấp lại 02 sim số thuê bao trên là 60.000 đồng.

Về Vật chứng : 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX màu xanh đen, biển kiểm soát 89B2- 205.49 bị can chiếm đoạt của anh Nguyễn Công H, sau đó đã bán cho người không quen biết nên không thu hồi được. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu xám, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS max màu trắng là tài sản hợp pháp của những người bị hại. Bị cáo nhờ Hoàng Văn T4 bán 02 chiếc điện thoại trên cho anh Bùi Ngọc A, sau đó anh Bùi Ngọc A đã bán cho người không quen biết nên không thu hồi được. Đối với: 01 sim có số thuê bao 0342 824 436; 01 ốp lưng điện thoại Iphone 6 plus; 01 sim số thuê bao 0904 397 970; 01 ốp lưng màu nâu của điện thoại Iphone XS max, sau khi chiếm đoạt được của bị hại, bị cáo T đã vứt đi trên đường nên không thu hồi được.

Theo bản cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 05/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang truy tố bị cáo Nguyễn Đình T về tội " Cướp giật tài sản " theo điểm d,g,i khoản 2 Điều171 BLHS.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, bị cáo không thắc mắc, khiếu nại hay có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương thực hành quyền công tố tại phiên tòa trình bày luận tội, giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: **Về tội danh**: Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội Cướp giật tài sản. **Về hình phạt:** Áp dụng điểm d, g, i khoản 2 Điều 171, điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo, xử phạt bị cáo từ 06 năm đến 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 13/9/2023.**Về hình phạt bổ sung:** Không áp dụng. **Về vật chứng:** Không. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải bồi thường cho bị hại là cháu Tống Vũ Yến N số tiền 850.000 đồng; chị Nguyễn Thị G số tiền 5.610.000 đồng. **Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật TTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định.

Nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau;

[1] Cơ quan Điều tra Công an huyện N, Điều tra viên,Viện kiểm sát huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với biên bản bắt xác định địa điểm phạm tội quả tang, kết hợp với kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 8 giờ 15 phút ngày 16/8/2023 tại đường gom tỉnh lộ 392B thuộc thôn T, xã L, huyện T, Nguyễn Đình T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX không đeo biển kiểm soát áp sát, đi song song bên trái xe đạp điện của cháu Trần Mai T3, sinh năm 2008 đang điều khiển cùng chiều chở cháu Tống Vũ Yến N, sinh năm 2008, sau đó T dùng tay trái giật 01 điện thoại Iphone 6 plus của cháu N rồi nhanh chóng tẩu thoát. Đến khoảng 9 giờ cùng ngày, tại đê tả sông L, thuộc địa phận thôn B, xãVăn Hội, huyện N, T điều khiển xe mô tô như trên áp sát xe mô tô của chị Nguyễn Thị G điều khiển đi cùng chiều, rồi giật điện thoại Iphone XS max đang để trong túi quần bên trái của chị Nguyễn Thị G. Tổng tài sản bị chiếm đoạt trị giá 6.375.000 đồng, chi phí cấp lại 02 sim là 60.000 đồng. Như vậy theo hướng dẫn tại điểm 5.3 mục 5 phần I Thông tư liên tịch số 02 ngày 25/12/2001 của Liên ngành tư pháp Trung ương thì hành vi T dùng xe mô tô thực hiện việc cướp giật tài sản của người đang đi xe mô tô là hành vi sử dụng thủ đoạn nguy hiểm khác; T thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của cháu Tống Vũ Yến N, sinh ngày 27/8/2008 là người dưới 16 tuổi, ngoài ra Tăng có 02 tiền án chưa được xoá án tích,Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang truy tố các bị cáo Nguyễn Đình T về tội : :Cướp giật tài sản", với các tình tiết định khung " dùng thủ đoạn nguy hiểm"; " Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi"; "Tái phạm nguy hiểm" theo điểm d, g, i khoản 2 Điều 171 BLHS là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ

năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc cướp giật tài sản của người khác là trái pháp luật, nhưng vì mục đích để kiếm tiền tiêu sài cá nhân, bị cáo cố ý thực hiện, gây ảnh hưởng xấu tới tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện N. Do vây, cần có mức hình phạt nghiêm dành cho bị cáo,

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hai hành vi cướp giật tài sản, mỗi lần đều cấu thành tội Cướp giật tài sản. Do vậy bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên", quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân không tốt, đã nhiều lần bị xét xử về các hành vi "Cướp tài sản" và "Tàng trữ trá phép chất ma túy" nhưng bị cáo không chịu cải sửa, khi có cơ hội tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên cần có mức án đủ răn đe cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 171 BLHS

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là cháu Tống Vũ Yến N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 850.000 đồng; chị Nguyễn Thị G yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.610.000 đồng, yêu cầu bồi thường của bị hại là phù hợp, bị cáo nhất trí yêu cầu của các bị hại. Cần buộc bị cáo bồi thường số tiền trên cho cháu N1 và Chị G.

[8] Về vật chứng: Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX màu xanh đen, BKS 89B2- 205.49 là xe mô tô của anh Nguyễn Công H, bị can T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội sau đó bị can T đã bán cho người không quen biết nên không thu hồi được. Đối với 01 điện thoại 01 điện thoại Iphone 6 plus của cháu Yến N; 01 điện thoại Iphone XS max của chị Nguyễn Thị G bị can đã bán cho người không quen biết nên không thu hồi được nên không đặt ra giải quyết.

[9] Đại diện VKSND huyện Ninh Giang đề nghị về hình phạt chính, hình phạt bổ sung, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX.

[10] Các vấn đề khác:Đối với Hoàng Văn T4 là người bán 02 chiếc điện thoại cho T nhưng không biết tài sản do T đi cướp giật nên không có căn cứ xử lý.

[11] **Về án phí**: Bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm d, g, i khoản 2 Điều 171, điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội " Cướp giật tài sản"

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 06 năm tù, thời hạn tính từ ngày 13/9/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS: Điều 584, 585, 589 BLDS. Bị cáo Nguyễn Đình T phải bồi thường cho bị hại là cháu Tống Vũ Yến N (Người đại diện Người giám hộ cho chị N bà Vũ Thị L, sinh năm 1978. Trú tại: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương), số tiền 850.000 đồng; Chị Nguyễn Thị G. Trú tại: Thôn B V, huyện N, tỉnh Hải Dương, số tiền 5.610.000 đồng. Kể từ ngày án có hiệu lực chị N,(Người giám hộ cho chị N chị L), chị G có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền trên, nếu bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí; Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 323.000đ án phí bồi thường dân sự.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ninh Giang;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Ninh Giang;
- Cơ quan THA Hình sự huyện Ninh Giang;
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam Kim Chi, Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Minh Hải